

THỰC TRẠNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC ÂM NHẠC VŨ ĐẠO VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Hữu Hùng*

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy, chúng tôi đã tiến hành đánh giá thực trạng chương trình các môn học Âm nhạc vũ đạo và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập môn học Âm nhạc vũ đạo (ÂNVĐ) được tổ chức đào tạo tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Từ khóa: Môn học ÂNVĐ, thực trạng, yếu tố ảnh hưởng, sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tiễn giáo dục nước ta đã cho thấy: đào tạo con người mới đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, ngày càng đa dạng nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tất yếu phải đi đôi với quá trình đổi mới tích cực và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cũng như các điều kiện cụ thể của môn học ÂNVĐ, việc đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng môn học ÂNVĐ như: đội ngũ giáo viên; Chương trình đào tạo; Cơ sở vật chất và trang thiết bị..., là việc làm hết sức cần thiết, phải được làm thường xuyên theo chu kỳ. Thực tiễn đánh giá về mức độ áp dụng của chương trình môn học trong những năm qua, tác giả Vũ Thanh Mai và cộng sự (2012) đã đi đến kết luận về hiệu quả nhất định của môn học ÂNVĐ, tuy nhiên vẫn

chưa có một nghiên cứu sâu nào đề cập đến vấn đề này.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sư phạm; phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng về nhận thức của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh khi tham gia học tập môn học ÂNVĐ, giai đoạn 2006 – 2014

Để nghiên cứu vấn đề này chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 345 sinh viên các khóa đại học 45, 46 và 47. Phiếu hỏi được chúng tôi chia ngẫu nhiên theo một tỉ lệ trên 4 ngành học Giáo dục thể chất (GDTC), Huấn luyện thể thao (HLTT), Y học và Quản lý. Kết quả phỏng vấn được chúng tôi trình bày tại bảng 1, 2 và bảng 3.

Bảng 1. Động cơ học tập môn ÂNVĐ của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=345)

TT	Động cơ học tập	Kết quả phỏng vấn					
		K45 (n=110)	TL (%)	K46 (n=120)	TL (%)	K47 (n=115)	TL (%)
1	Phục vụ công việc sau này	25	22.7	13	10.8	32	27.8
2	Để phát triển kỹ năng	34	30.9	45	37.5	36	31.3
3	Vì muốn được khám phá	10	9.1	12	10	5	4.3
4	Chứng minh năng lực bản thân	12	10.9	30	25	17	14.8
5	Để nâng cao sức khỏe	2	1.8	0	0	1	0.9
6	Vì nhà trường yêu cầu	27	24.5	20	16.7	24	20.9
	Tổng số (345)	110	100	120	100	115	100

*ThS, Bộ môn Thể dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**Factors and reality of dance music subjects of student
at Bac Ninh University of Sports**

Summary:

By using the common research methods, we have evaluated the real situation of the the program and factors influencing to the study results of dance music subject which is trained at Bac Ninh University of Sports.

Keywords: Dance music subject, reality, factors, student at Bac Ninh University of Sports

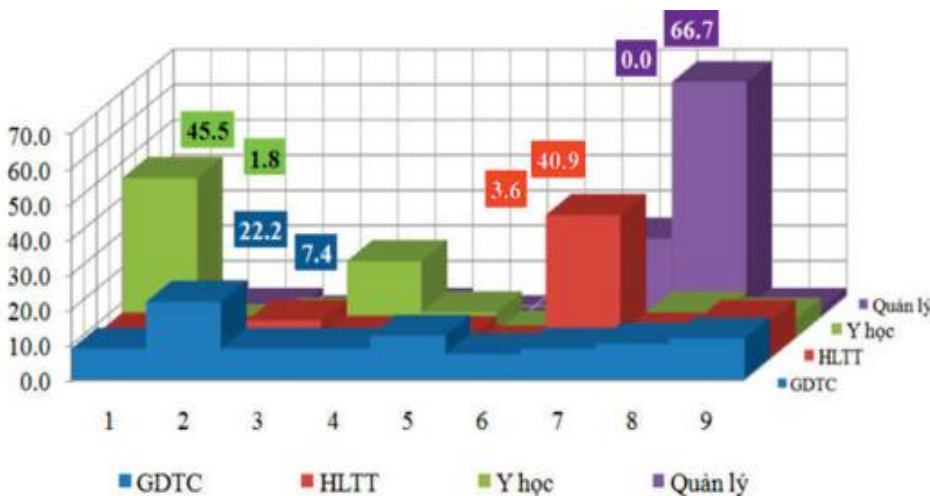
Qua kết quả bảng 1 cho thấy;

- Động cơ tham gia học tập môn ÂNVĐ của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là đúng đắn, trong sáng gắn với nhận thức học môn ÂNVĐ để phát triển kỹ năng, tỉ lệ này chiếm 30.9% đến 37.5%. Tuy nhiên, với nội dung “Môn học ÂNVĐ sẽ phục vụ công việc sau này”, thì nhận thức sinh viên khác nhau, khóa đại học 46 chiếm 10.8% đồng ý, nhưng các em khóa đại học 45 và 47 thì tỉ lệ này là 22.7% và 27.8%. Mức độ khám phá môn học cũng chỉ ở mức 4.3% đến 10%.

Như vậy, việc tham gia học tập môn học

ÂNVĐ của các em sinh viên khóa đại học 45,46 và 47 chưa thật sự xuất phát từ sự yêu thích nghề nghiệp mà động cơ này được hình thành chủ yếu từ nhu cầu và nhận thức của cá nhân. Vì thế việc tạo nên một động lực để kích thích sự say mê cũng như sự tự giác tích cực rèn luyện trong sinh viên khi tham gia học tập môn học này là cần thiết.

Để tìm hiểu nhận thức nghề nghiệp của sinh viên tham gia học tập môn ÂNVĐ, chúng tôi phân loại đối tượng phỏng vấn gắn với 4 ngành đào tạo của Trường gồm: GDTC, HLTT, Y học TDTT, Quản lý TDTT. Kết quả phỏng vấn được chúng tôi trình bày tại biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên các ngành học GDTC, HLTT, Y học, Quản lý tham gia học tập môn ÂNVĐ (n=345)

*** Ghi chú:**

1. Nâng cao giá trị đạo đức, tích lũy kiến thức văn hóa, kinh nghiệm và vốn kiến thức hiểu biết xã hội phục vụ công việc.
2. Luôn tích lũy những vấn đề đã học về năng lực sự phạm thông qua môn học ÂNVĐ.
3. Tìm hiểu, quan tâm đến môn học ÂNVĐ để phục vụ nghề nghiệp sau này.
4. Phấn đấu rèn luyện, học tập đạt kết quả cao.
5. Chủ động sử dụng môn học để tham gia vào các hoạt động nhằm nâng cao năng lực sự phạm.
6. Mong muốn thể hiện khả năng đã tích lũy của môn học để chứng minh năng lực bản thân.

7. Nâng cao năng lực cá nhân, tự tin trong giao tiếp, phục vụ công việc sau ra trường.

8. Tăng cường kỹ năng làm việc tập thể, điều hành nhóm và phát huy sự sáng tạo tuyệt đối của cá nhân trong giải quyết các công việc được giao.

9. Ý thức gắn bó với nghề giảng dạy say này.

Qua kết quả phỏng vấn được trình bày được trình bày tại biểu đồ 1 cho thấy: Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên các ngành học có sự khác biệt đáng kể.

- Với tỉ lệ trả lời từ 7.4% - 22.2% của sinh viên GDTC tham gia học tập môn học ÂNVĐ cho thấy sự phân tán về nhận thức nghề nghiệp

cá nhân. Bên cạnh đó cũng có một số các em lại có xu hướng đồng thuận rằng, việc học môn ÂNVĐ sẽ giúp các em tích lũy được nhiều giá trị kiến thức, đề từ đó giúp các em nâng cao năng lực sự phạm của bản thân. Kết quả này cũng đã khẳng định nhu cầu cá nhân của sinh viên Ngành GDTC là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với ngành học và chiến lược đào tạo những thầy cô giáo Thể dục tương lai.

- Tuy nhiên, ở cả 03 ngành đào tạo còn lại gồm; HLTT, Y học TDTT, Quản lý TDTT, kết quả phỏng vấn cho thấy sinh viên tham gia học tập môn học ÂNVĐ để hỗ trợ và phục vụ cho ngành học của mình. Trong đó, có 40.9% sinh viên ngành HLTT mong muốn, môn học sẽ giúp nâng cao năng lực cá nhân, tự tin trong giao tiếp và học để phục vụ mục đích công việc sau ra trường. Sinh viên Ngành HLTT tiếp cận với môn học đều thống nhất rằng nội dung môn học khiêu vũ rất thiết thực và có ảnh hưởng nhiều tới công việc sau khi ra trường, giúp tăng cường giao lưu, mở rộng các mối quan hệ.... Khác với sinh viên ngành HLTT, sinh viên Ngành Y học TDTT có tới 45% các em đặc biệt quan tâm tới đạo đức nghề nghiệp được ảnh hưởng từ giá trị nội dung môn học này. Sinh viên Ngành Quản lý TDTT lại cho rằng việc học tập môn học ÂNVĐ sẽ giúp tăng cường kỹ năng làm việc tập thể, điều hành nhóm và phát huy sự sáng tạo của cá nhân trong giải quyết các công việc được giao với tỉ lệ đồng thuận chiếm 66.7%.

Kết quả đánh giá nhận thức nghề nghiệp của sinh viên các ngành học GDTC, HLTT, Y học TDTT và Quản lý TDTT đã khẳng định, môn học ÂNVĐ đã có ảnh hưởng trực tiếp tới năng lực từng nhóm ngành khác nhau, từ động cơ cho đến nhận thức nghề nghiệp và đã phản ánh những bất cập trong phân bổ chương trình môn học hiện nay chưa thực sự hợp lý.

2. Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất và số đợt tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giáo viên tham gia giảng dạy môn ÂNVĐ tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, giai đoạn 2006 – 2014

Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học môn ÂNVĐ giai đoạn năm 2006 - 2014 gồm: Nhà tập, thảm tập, thang dóng, gương, trang âm loa đài, các dụng cụ tập múa, các đĩa tư liệu và hình ảnh ... về cơ bản đã đáp ứng được công tác giảng dạy của giáo viên và học tập của sinh viên. Tuy nhiên, các tài liệu như sách tham khảo chuyên môn hầu như không có, mặt sàn gỗ và các dụng cụ (đạo cụ) tập luyện đi kèm phục vụ nội dung môn khiêu vũ chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên môn của môn học đặt ra.

Kết quả đánh giá thực trạng số đợt tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giáo viên tham gia giảng dạy môn ÂNVĐ tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, giai đoạn 2006 – 2014, là cơ sở xác định những khó khăn và tìm hướng giải quyết phù hợp cho các cán bộ tham gia giảng dạy. Kết quả nghiên cứu được trình bày cụ thể tại bảng 2.

Bảng 2. Kết quả thực trạng số đợt tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giáo viên tham gia giảng dạy môn ÂNVĐ Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, giai đoạn 2006 – 2014

TT	Nội dung tập huấn môn học ÂNVĐ	Kết quả thống kê số buổi			
		2006 - 2007		2008 - 2014	
		Tập huấn	Tự tập, tự NC	Tập huấn	Tự tập, tự NC
1	Kiến thức về Âm nhạc	6	5	0	12
2	Kiến thức, kỹ năng và phương pháp biên đạo Múa	6	32	0	45
3	Kiến thức môn KVT	6	32	0	80
4	Các lớp bồi dưỡng khác	0	1	0	5
	Tổng số buổi	18	69	0	137
		117		137	

Kết quả bảng 2 cho thấy:

- Giai đoạn năm học 2006-2007, để có thể đưa nội dung môn ÂNVĐ vào chương trình giảng dạy tại Nhà trường, Ban Giám hiệu đã đồng ý để bộ môn chủ động mời chuyên gia (02 giảng viên cao đẳng Nhạc họa trung ương), đến bộ môn tập huấn, xây dựng chương trình môn ÂNVĐ. Đợt tập huấn được diễn ra trong 18 buổi, sau đó tập thể bộ môn tiến hành tự tập với 69 buổi để thảo luận chương trình môn học và hoàn thiện kỹ năng giảng dạy.

- Trong suốt giai đoạn năm học 2008-2014, bộ môn không có thêm một đợt tập huấn chuyên môn nào mà thay vào đó là những buổi sinh hoạt chuyên môn 1 tuần/1 buổi, tổng số buổi tự học là 137 buổi, trong đó có 12 buổi tự học nâng cao kỹ năng giảng dạy và phân tích âm nhạc với các chuyên gia của Trường Học viện Âm nhạc quốc gia, 45 buổi tự học và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và phương pháp biên đạo Múa, 80 buổi

cho quá trình tự tập luyện kiến thức, kỹ năng môn KVT. Kết quả này có thể coi là cố gắng với tinh thần quyết tâm và là giá trị hăng say trong hoạt động nghề nghiệp của tập thể cán bộ trực tiếp giảng dạy môn ÂNVĐ.

3. Thực trạng phân phối chương trình môn ÂNVĐ cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh giai đoạn năm 2006 đến 2014

Để đánh giá thực trạng phân phối chương trình môn ÂNVĐ cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh giai đoạn năm 2006 đến 2014, chúng tôi tiến hành khảo sát, tổng hợp 04 bộ tài liệu, 09 bộ đề cương, giáo án và lịch trình môn học có liên quan đến nội dung chương trình, tương ứng với chương trình học môn ÂNVĐ của các khóa đại học 40 đến 48. Trên cơ sở thay đổi chương trình đào tạo chung của Nhà trường chúng tôi tiến hành thống kê phân phối chương trình môn ÂNVĐ theo 3 giai đoạn. Kết quả nghiên cứu được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Kết quả khảo sát thực trạng phân phối chương trình môn ÂNVĐ, cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh giai đoạn năm 2006 đến 2014

TT		Nội dung chương trình	2006 - 2009 (n=45 tiết)	2010 - 2012 (n=45 tiết)	2013 - 2014 (n=30 tiết)
I		Thực hành:			
Múa	1	Múa dân gian đồng bằng	4	4	4
	2	Múa dân gian miền núi phía bắc	4	4	4
	3	Múa Tây nguyên	2	2	3
	4	Giới thiệu các điệu múa	2	0	0
Khiêu vũ	5	Macarena (tập thể)	2	2	2
	6	Bachata (tập thể và đôi latin)	3	4	5
	7	Rumba (đôi latin)	3	4	5
	8	Chacha (đôi latin)	3	4	5
	9	Jive (đôi latin)	3	0	0
	10	Samba (đôi latin)	3	0	0
II		Nội dung thi và kiểm tra:			
	11	Học trình: 1. Khiêu vũ và 2. Múa	1	1	1
	12	Kết thúc học phần: Biên đạo bài múa tự chọn	1	1	1
III	13	Lý thuyết:	1	1	1
IV	14	Tự học:	6	2	1
	15	Thảo luận	2	1	1
	16	Phương pháp biên soạn và giảng dạy môn ÂNVĐ	6	1	1
		Tổng số giờ học:	46	31	34
		Số giáo án:	16	16	16

Qua bảng 3 cho thấy:

- Giai đoạn 2006-2009 là 45 tiết chia 3 đơn vị học trình với 2 nội dung học chính là Múa, KVT, được thực hiện với tổng số 15 giáo án 1, 01 giáo án thi kết thúc môn học với số giờ học thực cũng tự học và kiểm tra đánh giá là 46 giờ, sinh viên tham gia học tập môn học này những sinh viên năm thứ 3 và 4 thuộc kỳ 6 và 7 của nhà trường. Giữa 2 giai đoạn (2006 – 2009 và 2010 – 2012), quãng nghỉ dành cho thời gian tự học lên đến 14 buổi, riêng phần giảng dạy về âm nhạc chỉ được dạy chính về mặt lý luận trên lớp gồm 1 giờ lý thuyết, còn lại là hướng dẫn phân nhịp âm nhạc tại các buổi lên lớp học thực hành, phương pháp và cách thức này được áp dụng cho tất cả các giai đoạn tiếp theo đó. Tuy bất cập về giảng dạy nội dung âm nhạc (vì thời gian giảng dạy ít), thì giai đoạn này vẫn được xem là thời gian giãn cách đủ dài, phù hợp cho các nhóm sinh viên tham gia biên soạn bài thi kết thúc học phần môn ANVĐ.

- Giai đoạn 2010-2012 và 2013-2014 là giai đoạn có sự thay đổi về số lượng tiết học từ 45 tiết xuống còn 30 tiết, sinh viên được tham gia môn học ngay từ năm thứ nhất thay vì như trước kia là kỳ 7 của năm thứ tư. Tổng số giờ tự học của giai đoạn này là 34 giờ, đã cao hơn tổng số giờ giai đoạn trước đó là 3 giờ, đây chính là giai đoạn của “quá trình đổi mới toàn diện về chương trình đào tạo của nhà trường, hướng tới đào tạo tín chỉ năm 2015”.

4. Thực trạng nội dung chương trình môn ANVĐ tại Việt Nam

Để tiến hành đánh giá thực trạng chương trình học tập môn ANVĐ tại Việt Nam tiến hành khảo sát gần 50 trường trong khối văn hóa, nghệ thuật từ trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học trên toàn quốc (qua các Website và điện đàm trực tiếp với phòng đào tạo của các trường), tuy nhiên trên toàn quốc cũng chỉ có 4 trường có tên môn học này. Kết quả khảo sát thực trạng nội dung chương trình môn học ANVĐ tại Việt Nam được chúng tôi trình bày tại bảng 4.

* **Ghi chú:** ĐH TDTT BN: Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh; ĐH TDTT TP HCM: Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh; ĐH TDTT ĐN: Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng; BMTD: Bộ môn Thể dục; TTGT: Thể thao giải trí; GDTC QP: Khoa Giáo dục thể chất Quốc phòng; TDCĐ: Thể dục cổ động.

Kết quả bảng 4 cho thấy:

- Môn học ANVĐ của các trường trong khối

TDTT đều là môn học tự chọn, chỉ có Trường Đại học Ngoại thương là môn học bắt buộc do chương trình cải tiến GDTC mà nhà trường lựa chọn, riêng tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh môn học này hiện chỉ còn được dạy với 30 tiết, các trường còn lại là 60 tiết.

- Có tới 75% các trường được thống kê nêu trên lựa chọn chương trình môn ANVĐ với 2 nội dung để giảng dạy gồm Múa và KVT. Nội dung giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá môn học ANVĐ của các trường cũng rất khác nhau; với Trường Đại học TDTT Bắc Ninh việc giảng dạy được gắn với ý nghĩa của tên của môn học, hình thức thi là biên soạn bài múa tự chọn theo nhóm, trong khi đó Trường Đại học TDTT TP. Hồ Chí Minh chỉ dạy múa và tổ chức thi bài quy định (học bài trống nhưng khi thi thì không có trống mà chỉ thi mô phỏng thực hiện kỹ năng động tác ghép với nhạc), nhưng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng lại chỉ dạy KVT còn lại đã cắt nội dung múa bị cắt bỏ hoàn toàn và sinh viên có hình thức thi viết làm 01 bài tiểu luận. Tại Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, môn ANVĐ được coi là thể mạnh của khoa GDTC, tuy nhiên môn học này lại bao hàm thêm 2 môn TDCĐ và thể dục Aerobic, nên tiêu chí đánh giá kết thúc môn học này cũng hoàn toàn khác.

- Tìm hiểu về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình môn học ANVĐ của các trường chúng tôi cũng nhận thấy các trường hiện nay đều chưa có bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng môn học này, kể cả 3 trường đã tiến hành đào tạo theo thể thức tín chỉ, đây cũng là vấn đề bất cập mà sớm muộn các trường trong tương lai vẫn phải tiến hành thực hiện nhằm bắt kịp với xu thế đào tạo chuẩn toàn cầu.

KẾT LUẬN

- Thực trạng động cơ học tập của sinh viên có xu hướng tốt dần theo các năm gần đây, nhưng nhận thức của sinh viên khi tham gia học tập môn ANVĐ của 4 ngành đào tạo, GDTC, HLTT, Y học và Quản lý cũng khác nhau, điều này cho thấy mục tiêu môn học, nội dung và chương trình môn học ANVĐ, hiện nay chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của sinh viên từng ngành học, nên tất yếu cần phải có sự điều chỉnh phù hợp hơn với ngành chính mà các em được đào tạo.

- Bên cạnh đó ngoài nỗ lực tự cầu dồi kiến thức về môn học ANVĐ, để hoàn thành tốt nhiệm vụ của Nhà trường giao cho thì công tác bồi

Bảng 4. Thực trạng nội dung chương trình môn học ÂNVĐ tại Việt Nam

TT	Thông tin môn học ÂNVĐ	Kết quả khảo sát			
		ĐH TDTT BN	ĐH TDTT TPHCM	ĐH TDTT ĐN	ĐH NT HN
1	Thời gian bắt đầu đưa chương trình ÂNVĐ vào giảng dạy	Năm 2006-2007	Năm 2007-2008	Năm 2007-2008	Năm 2010-2011
2	Đơn vị quản lý môn	BMTD	BMTD	TTGT	Khoa GDTC QP
3	Tổng số tiết	30 tiết	60 tiết	60 tiết	60 tiết
4	Hình thức đào tạo	Niên chế	1 Tín chỉ	2 Tín chỉ	1 Tín chỉ
5	Phân loại môn học	Tự chọn	Tự chọn	Tự chọn	Bắt buộc
6	Lý thuyết	2 tiết	Không	6 tiết	Không
7. Nội dung giảng dạy:	Âm nhạc	Nhạc lý cơ bản (phân phách và nhịp trong giờ lý thuyết)	Dạy nhạc theo bài thực hành	Nhạc lý cơ bản (phân phách và nhịp)	Dạy nhạc theo bài thực hành
	Múa	Dân gian, dân tộc	Nam: Múa trống; Nữ: Quạt, tay không	Không	Không
	KVTT	Macarena; Bachata; Chacha; Rumba	Không	Macarena; Bachata; Mambo; Chacha; Rumba	Chacha; Rumba; Jive; Samba
8	Các nội dung khác	Không	Không	Không	TDCĐ và Aerobic
9	Nội dung thi và kiểm tra	Biên soạn Múa tự chọn theo nhóm	Múa bài quy định	Làm bài tiểu luận	KVTT, TDCĐ, Aerobic tự chọn
10	Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình môn học ÂNVĐ	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có

đưỡng cán bộ giáo viên đảm nhiệm môn học mới này còn nhiều hạn chế, số buổi giáo viên được tập huấn nghiệp vụ còn ít, dẫn đến các kỹ năng chuyên môn về Âm nhạc còn nhiều hạn chế.

- Kết quả khảo sát phân bổ chương trình môn học ÂNVĐ gắn với nội dung, phương pháp, thi kiểm tra đánh giá...tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh còn tồn tại nhiều bất cập, buổi học nhạc phần lớn mang tính giới thiệu, nội dung thi bài biên soạn múa kết thúc môn của các nhóm thi không có nhiều thời gian.

- Thực trạng chương trình học tập môn ÂNVĐ tại Việt Nam đã cho thấy nội dung chương trình môn ÂNVĐ của tất cả các trường này đều khác nhau, vì vậy việc chuẩn hóa theo hướng đổi mới chương trình môn học ÂNVĐ cho sinh viên

Trường ĐH TDTT Bắc Ninh là việc làm cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí (1991), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.
2. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (1993), *Lí luận và phương pháp TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Vũ Cao Đàm (1995), *Hướng dẫn làm luận văn khoa học*, Nxb Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. Lê Đức Ngọc (2005), *Giáo dục Đại học: Phương pháp Dạy và Học*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
5. Vũ Văn Tào (2003), *Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường Đại học, Cao đẳng và đào tạo giáo viên trung học cơ sở*, Bộ GDĐT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 20/10/2016, Phản biện ngày 21/10/2016, duyệt in ngày 25/10/2016)